

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2018

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Thương

+ Bà Nguyễn Thuỳ Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa:
Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc “Kiện xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 26/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị N, sinh năm 1994

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1990

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T đăng ký kết hôn vào ngày 18/4/2014 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã và sống ly thân từ tháng 11/2014 cho đến

nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Phan Thị N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 27/02/2018 và biên bản hoà giải anh Lê Văn T trình bày:

- Tôi và chị Phan Thị N kết hôn với nhau tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình nay chị N có đơn xin ly hôn tôi không đồng ý và mong muốn đoàn tụ. Nhưng tại đơn xin chọn Toà án giải quyết đề ngày 28/10/2017 của các đương sự và Đơn xin vắng mặt tại phiên toà của anh T được UBND phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú- TP. Hồ Chí Minh xác nhận vào ngày 01/11/2017 thì anh T có ý kiến đồng ý thuận tình ly hôn với chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị Nguyệt có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Văn T; Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp cho Toà án đơn xin chọn Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình để giải quyết đề ngày 28/10/2017 và đơn xin vắng mặt tại phiên toà của anh Lê Văn T được UBND phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú- TP. Hồ Chí Minh xác nhận vào ngày 01/11/2017. Tuy nhiên, nội dung thoả thuận của các đương sự về việc lựa chọn Toà án giải quyết và đơn xin xử vắng mặt của bị đơn được xác lập trước thời điểm Toà án thụ lý giải quyết nên không có căn cứ pháp luật để chấp nhận, vì vậy Toà án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Toà án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và gửi giấy triệu tập nhưng anh T không đến Toà án để giải quyết mà không có lý do. Đến ngày 27/02/2018, anh T mới đến Toà án làm bản tự khai và ký vào bản tự khai và tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng và hoà giải đồng thời đã thể hiện ý kiến mong muốn đoàn tụ nhưng anh T không chịu ký vào các biên bản này. Do đó, Tòa án đã lập biên bản về việc không thể tiến hành hoà giải được làm căn cứ giải quyết vụ án và ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ngày 26/03/2018, Tòa án mở phiên tòa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 12/3/2018, tuy nhiên bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2018, đồng thời ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 18/4/2018 và tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại

phiên tòa lần thứ hai, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị N và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 18/4/2014 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện cho nên việc kết hôn của các đương sự là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Theo lời khai của nguyên đơn thì vợ chồng chỉ sống hạnh phúc trong một thời gian rất ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã và sống ly thân từ tháng 11/2014 cho đến nay. Hiện tại, đời sống vợ chồng của các đương sự không còn, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù tại bản tự khai anh T mong muốn đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 01/11/2017 anh T lại có nguyện vọng thuận tình ly hôn. Qua đó cho thấy anh T cũng không tha thiết trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa các đương sự không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không quan tâm, bỏ mặc nhau, đời sống chung của vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với các quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có con chung, tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị N và anh Lê Văn T.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Án phí: Chị Phan Thị N phải chịu nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/ 0002658 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày

nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án của Tòa án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bồ Trách;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trách;
- UBND xã H, B, QB;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trung Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

